

## **TỔNG MỤC LỤC**

### **TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI NĂM 2016**

### **(TỪ SỐ 1(209)2016 ĐẾN SỐ 12(220)2016)**

*Phát biểu của Đồng chí Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại buổi thăm và làm việc với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Số 5(213)-2016, tr. 1-4.*

*Diễn văn của GS.TS. Nguyễn Quang Thuán, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Số 5(213)-2016, tr. 5-8.*

#### **TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC**

Lưu Hồng Sơn. *Phương thức tư duy của Lão tử*. Số 1(209)-2016, tr. 1-13.

Nguyễn Văn Minh. *Một số vấn đề về thực hiện quyền được bào chữa của người bị buộc tội*. Số 2(210)-2016, tr. 1-11.

Cao Xuân Long. *Tư tưởng về giáo dục của Phan Châu Trinh*. Số 3(211)-2016, tr. 1-8.

Ngô Thị Mỹ Dung. *Quan điểm của Aristote về hạnh phúc*. Số 7(215)-2016, tr. 1-6.

Vũ Thị Thu Thanh. *Chính trị của nông dân: lý thuyết và sự vận dụng*. Số 7(215)-2016, tr. 7-16.

Nguyễn Thị Hiền Oanh. *Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong công tác giáo dục lý luận chính trị ở nước ta hiện nay*. Số 8(216)-2016, tr. 1-10.

Lê Ngọc Thạnh. *Về thẩm quyền của hội đồng xét xử theo quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*. Số 8(216)-2016, tr. 11-18.

Đỗ Hương Giang, Nguyễn Đặng Minh Thảo. *Hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới ở Đông Nam Bộ*. Số 9(217)-2016, tr. 1-13.

#### **KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC**

Trần Hữu Quang. *Tìm hiểu khái niệm trí thức*. Số 1(209)-2016, tr. 14-28.

Bùi Thế Cường, Phạm Thị Dung. *Chuyển dịch cơ cấu nghề trên một mẫu khảo sát lập lại ở Đông Nam Bộ*. Số 1(209)-2016, tr. 29-42.

Nguyễn Hữu Minh. *Phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình Bắc Trung Bộ – Một số nhận xét bước đầu*. Số 1(209)-2016, tr. 43-56.

Võ Hoàng Sơn. *Kỳ thị đối với trẻ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tại Thành phố Hồ Chí Minh (nghiên cứu trường hợp quận 8 và quận Bình Thạnh)*. Số 1(209)-2016, tr. 57-68.

Trần Hữu Quang. *Định chế xã hội phi chính thức: Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn xã hội ở Tây Nguyên*. Số 2(210)-2016, tr. 12-24.

Trần Hữu Quang. *Biến đổi xã hội của buôn làng Tây Nguyên: Hai chiều kích then chốt*. Số 2(210)-2016, tr. 25-42.

Vũ Ngọc Xuân Ánh. *Phẩm chất của người Gia Rai và trường văn hóa tộc người (Nghiên cứu trường hợp làng Greo Pét, xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai)*. Số 2(210)-2016, tr. 43-54.

Đỗ Lý Hoài Tân. *Lý luận và thực tiễn trong phát triển kinh tế vùng bền vững tại Việt Nam*. Số 3(211)-2016, tr. 9-20.

Trần Hạnh Minh Phương. *Phân công lao động trong gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long – từ góc nhìn giới*. Số 3(211)-2016, tr. 21-37.

Nguyễn Đức Chiện. *Bàn về tiếp cận nghiên cứu mạng lưới xã hội ở nông thôn Việt Nam hiện nay*. Số 4(212)-2016, tr. 1-10.

Nguyễn Thị Hồng Xoan. *Hiệu quả chính sách xã hội đối với các khu dân cư nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 4(212)-2016, tr. 11-20.

Nguyễn Thị Vân. *Môi trường tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương: hiện trạng và những vấn đề đặt ra*. Số 4(212)-2016, tr. 21-37.

Trương Hoàng Trương, Vũ Ngọc Thành. *Việc làm của thanh niên dân tộc người Khmer ở Thành phố Hồ Chí Minh qua kết quả điều tra định lượng*. Số 5(213)-2016, tr. 9-20.

Nguyễn Lan Hương. *Marketing địa phương và sự gắn kết marketing địa phương trong phát triển kinh tế vùng*. Số 5(213)-2016, tr. 21-31.

Bùi Anh Thủy, Nguyễn Thị Thanh Ngân. *Thành phố Hồ Chí Minh: phát triển đi cùng hội nhập sâu, rộng với các thành phố của châu Á*. Số 6(214)-2016, tr. 1-10.

Phạm Hương Trà, Hoàng Thị Thu Hằng. *Hành vi tiếp nhận thông tin báo chí trên điện thoại di động của thanh niên tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Phước*. Số 6(214)-2016, tr. 11-20.

Nguyễn Trung Kiên, Bùi Ngọc Hồng. *Đời sống hội nhóm và liên kết xã hội: nghiên cứu so sánh xã Hải Vân, Nam Định và xã Thân Cửu Nghĩa, Tiền Giang*. Số 7(215)-2016, tr. 17-32.

Nguyễn Thị Minh Châu. *Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục của trẻ em nhập cư ở Thành phố Hồ Chí Minh: nghiên cứu trường hợp các gia đình công nhân ở phường 14, quận Gò Vấp*. Số 8(216)-2016, tr. 19-28.

Nguyễn Ngọc Toại. *Di động nghề nghiệp liên thế hệ ở Nam Bộ: một số vấn đề phương pháp luận*. Số 9(217)-2016, tr. 14-29.

Nguyễn Quốc Định. *Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000-2014 dưới góc nhìn của chỉ số lợi thế so sánh bộc lộ - RCA (phân tích số liệu các năm 2000, 2007 và 2014)*. Số 10(218)-2016, tr. 1-12.

Tạ Doãn Cường. *Tích tụ ruộng đất tại Đồng bằng sông Cửu Long và những vấn đề đặt ra*. Số 10(218)-2016, tr. 13-19.

Hoàng Thị Thu Huyền. *Thực trạng và khả năng đáp ứng đối với yêu cầu phát triển của các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020*. Số 11(219)-2016, tr. 1-16.

Hà Thúc Dũng, Nguyễn Thị Cúc Trâm. *Sinh kế của người bán hàng rong ở thành phố Trà Vinh*. Số 11(219)-2016, tr. 17-25.

Nguyễn Lan Hương. *Tìm hiểu về lòng trung thành và các yếu tố tác động đến lòng trung thành của cư dân đối với địa phương*. Số 12(220)-2016, tr. 1-12.

Nguyễn Thị Nhung. *Chủ động có con, nhận biết thai sớm và chăm sóc thai: những thay đổi của người Chăm theo đạo Islam ở tỉnh An Giang*. Số 12(220)-2016, tr. 13-24.

## **VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA NGHỆ THUẬT**

Đoàn Thị Cảnh. *Phong cách khảo cứu văn hóa của Phạm Đình Hồ qua Vũ trung tùy bút*. Số 2(210)-2016, tr. 55-65.

Nguyễn Hoàng Dung. *Thực trạng và vấn đề phát triển văn hóa đọc trong học sinh tiểu học (Trường hợp huyện Cần Đức, tỉnh Long An)*. Số 2(210)-2016, tr. 66-72.

Lưu Hồng Sơn. *Đóng góp của Lê Thọ Xuân trong nghiên cứu văn học và hoạt động báo chí trước năm 1954*. Số 3(211)-2016, tr. 38-50.

Mai Trương Huy. *Nghệ thuật trào tiếu trong tiểu thuyết Mười lẻ một đêm của Hồ Anh Thái*. Số 3(211)-2016, tr. 51-60.

Đoàn Thị Huệ. *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại: xu hướng tiếp cận hiện thực lịch sử và quan niệm về hư cấu nghệ thuật*. Số 4(212)-2016, tr. 38-48.

Hồ Xuân Mai. *Những biểu hiện của văn hóa qua ngôn ngữ*. Số 4(212)-2016, tr. 49-54.

Nguyễn Hữu Sơn. *Người đương thời Thơ mới bàn về thơ Vũ Hoàng Chương*. Số 5(213)-2016, tr. 32-43.

Nguyễn Huy Khuyến. *Hoàng đế Minh Mệnh và những bài thơ về biển*. Số 5(213)-2016, tr. 44-57.

Nguyễn Lai. *Suy nghĩ về sự chỉ dẫn cách dùng như một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*. Số 6(214)-2016, tr. 21-26.

Thái Văn Chải. *Ảnh hưởng cổ ngữ Ấn Độ và Phật giáo qua bi ký Chăm*. Số 6(214)-2016, tr. 27-32.

Huỳnh Công Tín, Vũ Văn Ngọc. *Giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật ngôn từ qua bài Tống Tử Đơn Hùng Tín của soạn giả Viễn Châu*. Số 7(215)-2016, tr. 33-40.

Hoàng Kim Oanh. *Nguyễn Hiến Lê với “quan niệm sáng tác của Edgar Poe 5% là hứng”*. Số 8(216)-2016, tr. 29-36.

Lê Nhật Ký. *Đặc điểm truyện đồng thoại của Tô Hoài*. Số 9(217)-2016, tr. 30-37.

Nguyễn Thanh Huy. *Lịch sử trong lời rao hàng tiếng Việt (trên cứ liệu thu thập tại Thành phố Hồ Chí Minh)*. Số 9(217)-2016, tr. 38-44.

Trần Hữu Chất. *Truyền thống và cách tân trong mô hình kết cấu cốt truyện thơ Nôm tự thuật Sơ kính tân trang của Phạm Thái*. Số 10(218)-2016, tr. 20-27.

Trần Vương Thạch. *Kinh dịch và âm thanh*. Số 10(218)-2016, tr. 28-46.

Lê Hoàng Việt Lâm. *Vai trò của người có uy tín trong gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên*. Số 11(219)-2016, tr. 26-34.

Nguyễn Thị Thu Hiền. *Các phương thức thể hiện thái độ trong diễn ngôn bình luận về “Hồ sơ Panama” từ góc nhìn của thuyết đánh giá*. Số 12(220)-2016, tr. 25-32.

Lê Thị An Hòa. *Vài nét về lễ đảo vũ dưới triều Nguyễn*. Số 12(220)-2016, tr. 33-41.

## **SỬ HỌC - NHÂN HỌC - NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO**

Lê Thị Vĩ Phượng. *Một số chính sách quản lý sự nhập cư - cư trú của người Hoa và người Khmer tại Nam Bộ dưới triều Nguyễn*. Số 1(209)-2016, tr. 69-80.

Nguyễn Thị Thu Thủy. *Giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh trung học ở Trung Quốc và một số điều cần suy ngẫm*. Số 1(209)-2016, tr. 81-90.

Phạm Thị Phương Thanh. *Những biến đổi trong cơ cấu nghề đánh bắt hải sản của ngư dân tỉnh Bình Thuận trong giai đoạn 2000-2010*. Số 1(209)-2016, tr. 91-100.

Trần Thuận. *Chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ thời nhà Nguyễn – Cơ sở cho sự hoạch định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia thời thuộc Pháp*. Số 2(210)-2016, tr. 73-86.

Lê Quang Cần. *Chợ làng xã Biên Hòa - Đồng Nai xưa*. Số 2(210)-2016, tr. 87-96.

Nguyễn Thị Hậu. *Khảo cổ học đô thị Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 2(210)-2016, tr. 97-104.

Trịnh Thị Lệ Hà. *Biến đổi về sở hữu đất đai ở một xã nông thôn vùng ven Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2010)*. Số 3(211)-2016, tr. 61-71.

Huỳnh Bá Lộc. *Đội ngũ trí thức tân học Nam Kỳ trước năm 1930*. Số 3(211)-2016, tr. 72-86.

Đỗ Thị Mỹ Hiền. *Hoạt động tín dụng của chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn từ năm 1875 đến năm 1945*. Số 4(212)-2016, tr. 55-65.

武勇 (Vũ Dũng) - Trương Anh Thuận. *Thái độ của các giai tầng xã hội ở Việt Nam và Trung Quốc đối với Thiên Chúa giáo trong các thế kỷ XVII, XVIII và XIX*. Số 4(212)-2016, tr. 66-88.

Trần Đức Cường. *Trần Bạch Đằng – nhà sử học*. Số 5(213)-2016, tr. 58-63.

Phù Khải Hùng. *Shinto trong đời sống văn hóa của người Nhật*. Số 5(213)-2016, tr. 64-75.

Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Vùng cận biển Đông Nam Bộ: cửa ngõ của giao lưu thương mại thời tiền sử và sơ sử*. Số 5(213)-2016, tr. 76-90.

Đỗ Bang. *Gia đình, dòng họ Việt Nam theo dòng lịch sử*. Số 6(214)-2016, tr. 33-41.

Huỳnh Tâm Sáng. *Hoạt động ngoại giao văn hóa Australia - Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay*. Số 6(214)-2016, tr. 42-56.

Ngô Thị Phương Lan. *Thuyết sinh thái văn hóa và nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam*. Số 6(214)-2016, tr. 57-73.

Nguyễn Văn Hiệu. *Dung hợp văn hóa ở Nam Bộ: trường hợp các yếu tố Công giáo trong đạo Cao Đài*. Số 7(215)-2016, tr. 41-50.

Huỳnh Ngọc Thu. *Món ăn truyền thống của người M'ông ở thôn Đăk Liên, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: tiếp cận dưới góc độ nhân học sinh thái về biến đổi văn hóa*. Số 7(215)-2016, tr. 51-60.

Đặng Ngọc Kính. *Mộ táng trong di tích Hòa Diêm (Cam Ranh, Khánh Hòa)*. Số 7(215)-2016, tr. 61-74.

Trần Đức Cường. *Giáo sư Trần Văn Giàu – nhà cách mạng trung kiên, nhà khoa học uyên bác, “thầy của những người thầy”*. Số 8(216)-2016, tr. 37-43.

Võ Tấn Tú. *Nghề thủ công truyền thống của người Chu Ru (nghiên cứu trường hợp ở huyện Đơn Dương, Lâm Đồng)*. Số 8(216)-2016, tr. 44-59.

Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Khảo cổ học vùng ngập mặn Đông Nam Bộ: đặc trưng văn hóa và quá trình phát triển*. Số 8(216)-2016, tr. 60-74.

Nguyễn Thị Phương Yên. *Báo Phụ nữ Tân văn và việc đấu tranh cho quyền lợi của phụ nữ ở Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX*. Số 9(217)-2016, tr. 45-55.

Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Trương Quang Đạt. *Sinh kế của người Mạ ở Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ hiện nay*. Số 9(217)-2016, tr. 56-69.

Nguyễn Nhật Phương. *Kỹ thuật chế tác trang sức bằng chì - thiếc trong văn hóa Óc Eo ở Tây Nam Bộ*. Số 9(217)-2016, tr. 70-84.

Lê Thế Tài. *Quá trình phát triển của lực lượng dân quân du kích ở vùng ven Sài Gòn giai đoạn 1956 - 3/1965*. Số 10(218)-2016, tr. 47-56.

Nguyễn Hoàng Bách Linh. *Đồ gốm tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê: đặc trưng và quá trình phát triển*. Số 10(218)-2016, tr. 57-74.

Nguyễn Đình Cơ. *Quan hệ thương mại của các nước phương Tây với Đàng Trong của Đại Việt ở các thế kỷ XVII-XVIII: một số đặc điểm chính*. Số 11(219)-2016, tr. 35-44.

Trương Thị Hiền. *Việc vận dụng cơ chế điều tiết của luật tục ở Tây Nguyên và vấn đề đa dạng luật*. Số 11(219)-2016, tr. 45-52.

Nguyễn Quốc Mạnh. *Di tích kiến trúc văn hóa Óc Eo trên vùng giồng cát duyên hải Tây Nam Bộ*. Số 11(219)-2016, tr. 53-69.

Nguyễn Nghị. *Những biện pháp nhằm phát triển sản xuất lúa gạo tại châu thổ sông Cửu Long thời thuộc Pháp*. Số 12(220)-2016, tr. 42-53.

## **MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Nguyễn Ngọc Diễm. *Truyền thông phát triển có sự tham gia và hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Số 2(210)-2016, tr. 105-119.

## **KHOA HỌC XÃ HỘI THẾ GIỚI**

Gary Ferraro, Susan Andreatta. *Nhân học văn hóa: một góc nhìn ứng dụng*. Số 3(211)-2016, tr. 87-95.

Caroline Sy Hau. *Nghiên cứu Đông Nam Á: hướng đến một kết mạng khu vực mở*. Số 4(212)-2016, tr. 89-92.

Philippe Peycam. *Nghiên cứu Đông Nam Á từ quan điểm của Viện Quốc tế Nghiên cứu Châu Á (IIAS), Leiden*. Số 4(212)-2016, tr. 93-98.

Nguyễn Xuân Nghĩa. *Lý thuyết về hành động truyền thông của Jürgen Habermas*. Số 5(213)-2016, tr. 91-103.

Hayami Yoko. *Nghiên cứu Đông Nam Á ở Nhật Bản*. Số 6(214)-2016, tr. 74-79.

Park Seung Woo, Lee Sang Kook. *Sự phát triển của nghiên cứu Đông Nam Á ở Hàn Quốc*. Số 6(214)-2016, tr. 80-82.

Charnvit Kasetsiri. *Nghiên cứu Đông Nam Á ở Thái Lan*. Số 7(215)-2016, tr. 75-79.

R. Michael Feener. *Nghiên cứu Đông Nam Á ở Đông Nam Á: Một cái nhìn từ Singapore*. Số 7(215)-2016, 80-83.

Nguyễn Khánh Trung. *Tổng lược về nghiên cứu giáo dục gia đình trên thế giới*. Số 10(218)-2016, tr. 75-86.

Jérémy Jammes. *Theo đường mòn: ghi chú về cuốn nhật ký hành trình dân tộc học của nhà truyền giáo Jacques Dournes tại Việt Nam*. Số 11(219)-2016, tr. 70-76.

### **TỰ VẤN CHÍNH SÁCH**

Phạm Nguyễn Ngọc Anh. *Bàn về giải pháp khắc phục tác động tiêu cực của các khu công nghiệp đến kinh tế - xã hội của Việt Nam*. Số 1(209)-2016, tr. 101-109.

Phan Tuấn Anh. *Chiến lược nhân tài của Trung Quốc: chuyển từ “chảy máu chất xám” sang “tuần hoàn chất xám”*. Số 12(220)-2016, tr. 54-67.

### **TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ**

Phạm Ngọc Hường. *Thuyên thích học với nghiên cứu lịch sử*. Số 1(209)-2016, tr. 110-122.

### **ĐỌC SÁCH**

Lê Minh Tiến. *Sự kiến tạo xã hội về thực tại: Khảo luận về xã hội học nhận thức*. Số 3(211)-2016, tr. 96-98.

Phan Kim Thoa. *Tổng tập Trần Trọng Đăng Đàn*. Số 8(216)-2016, tr. 75-76.

Trần Minh Đức. *Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam 2014*. Số 8(216)-2016, tr. 77.

### **THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Thịnh. *Hội thảo khoa học 40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm*. Số 6(214)-2016, tr. 83.

### **TÓM TẮT TIẾNG ANH**

Số 6(214)-2016, tr. 84-86.

Số 7(215)-2016, tr. 84-86.

Số 8(216)-2016, tr. 78-80.

Số 9(217)-2016, tr. 85-88.

Số 10(218)-2016, tr. 87-90.

Số 11(219)-2016, tr. 77-80.

Số 12(220)-2016, tr. 82-84.

## **ANNUAL VOLUME CONTENTS OF THE REVIEW OF SOCIAL SCIENCES IN 2016 (from No. 1(209)2016 to No. 12(220)2016)**

*Speech of Trần Đại Quang, CPV Politburo member, President of the Socialist Republic of Vietnam, at the Vietnam Academy of Social Sciences. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 1-4.*

*Speech of Prof. Dr. Nguyễn Quang Thuấn, President of the Vietnam Academy of Social Sciences, on Vietnam's Day of Science and Technology. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 5-8.*

### **PHILOSOPHY - POLITICAL SCIENCE - LAW**

Lưu Hồng Sơn. *Lao-Tze's Mode of Thinking*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 1-13.

Nguyễn Văn Minh. *Some Questions Concerning the Implementation of the Right to Counsel of the Accused*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 1-11.

Cao Xuân Long. *Education's Thoughts of Phan Châu Trinh*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 1-8.

Ngô Thị Mỹ Dung. *Viewpoint of Aristotle on Happiness*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 1-6.

Vũ Thị Thu Thanh. *Peasant's Politics: Theory and Applications*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 7-16.

Nguyễn Thị Hiền Oanh. *Enhancement of the Socialist Fatherland Defense's Awareness in the Political Theoretical Education in Our Country Today*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 1-10.

Lê Ngọc Thạnh. *Jurisdiction of the Tribunal in Việt Nam's Criminal Procedure Law*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 11-18.

Đỗ Hương Giang, Nguyễn Đăng Minh Thảo. *The Grassroots Political System in the New Rural Development Program in Việt Nam's Southeastern Region*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 1-13.

### **ECONOMICS - SOCIOLOGY**

Trần Hữu Quang. *On the Concept of Intellectuals*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 14-28.

Bùi Thế Cường, Phạm Thị Dung. *Shift of Occupational Structure According to a Survey's Panel Sample in the Southeastern Region of Việt Nam*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 29-42.

Nguyễn Hữu Minh. *Division of Labor Between Wife and Husband in Families of the Northern Central Region of Việt Nam – Some Preliminary Remarks*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 43-56.

- Võ Hoàng Sơn. *Discrimination Against HIV/AIDS-Affected Children in Hồ Chí Minh City (Case Study in District 8 and District Bình Thạnh)*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 57-68.
- Trần Hữu Quang. *Informal Social Institutions: Theoretical and Practical Issues in the Central Highlands of Vietnam*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 12-24.
- Trần Hữu Quang. *Social Change in Vietnam Central Highlands' Villages: Two Fundamental Dimensions*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 25-42.
- Vũ Ngọc Xuân Ánh. *Personal Qualities of Jrai People and the Field of Ethnic Culture (Case Study of Greo Pet Village, Dun Commune, Chư Sê District, Gia Lai Province)*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 43-54.
- Đỗ Lý Hoài Tân. *Theoretical and Practical Aspects of Regional Sustainable Development in Việt Nam*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 9-20.
- Trần Hạnh Minh Phương. *Division of Labor Amongst Families in the Mekong Delta – From the Gender Viewpoint*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 21-37.
- Nguyễn Đức Chiện. *On Social Network Approach in the Study of Nowadays Vietnamese Countryside*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 1-10.
- Nguyễn Thị Hồng Xoan. *The Effectiveness of Social Policy Towards Poor Quarters in Hồ Chí Minh City*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 11-20.
- Nguyễn Thị Vân. *Environment in Bình Dương's Industrial Zones: State of Affairs and Arisen Problems*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 21-37.
- Trương Hoàng Trương, Vũ Ngọc Thành. *Occupations of Khmer Young People in Hồ Chí Minh City – Results of a Quantitative Survey*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 9-20.
- Nguyễn Lan Hương. *Local Marketing and the Linkage of Local Marketing in Regional Economic Development*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 21-.31
- Bùi Anh Thủy, Nguyễn Thị Thanh Ngân. *Hồ Chí Minh City: Development and Closer Integration with Asian Cities*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 1-10.
- Phạm Hương Trà, Hoàng Thị Thu Hằng. *Behavior of Press Information Reception on Mobile Phones Amongst Young People in Hồ Chí Minh City and Bình Phước Province*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 11-20.
- Nguyễn Trung Kiên, Bùi Ngọc Hồng. *Associative Life and Social Links: Comparative Study of Hải Vân Commune in Nam Định Province and Thân Cửu Nghĩa Commune in Tiền Giang Province*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 17-32.
- Nguyễn Thị Minh Châu. *Access to the Basic Social Service of Education Amongst Migrant Children in Hồ Chí Minh City: Case Study of Worker Families in Ward 14, Gò Vấp District*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 19-28.
- Nguyễn Ngọc Toại. *Inter-generation occupational mobility in Southern Vietnam: Some methodological issues*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 14-29.
- Nguyễn Quốc Định. *Alterations of Việt Nam's Export Structure in 2000-2014 Measured by the Revealed Comparative Advantage (RCA) Index (Analysis of 2000, 2007 and 2014 Data)*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 1-12.

Tạ Doãn Cường. *Land Accumulation in the Mekong Delta of Việt Nam and Problems Arisen*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 13-19.

Hoàng Thị Thu Huyền. *State of Affairs and the Capabilities to Meet the Needs of Industrial Zones' Development in Bình Dương Province Until 2020*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 1-16.

Hà Thúc Dũng, Nguyễn Thị Cúc Trâm. *Livelihood of Street Vendors in Trà Vinh City*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 17-25.

Nguyễn Lan Hương. *Studying the Loyalty and Factors Influencing Residents' Loyalty Towards their Localities*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 1-12.

Nguyễn Thị Nhung. *Planned Pregnancy, Early Recognition of Pregnancy and Prenatal Care: Evolution Amongst Islamic Cham Ethnic People in An Giang Province*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 13-24.

### LITERATURE - LINGUISTICS - CULTURAL AND ARTS STUDIES

Đoàn Thị Cảnh. *Phạm Đình Hồ's Cultural Study Style in Vũ trung tùy bút*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 55-65.

Nguyễn Hoàng Dung. *The State of Affairs and the Question of Reading Culture's Development Amongst Primary Schoolchildren (Case of Cần Đước District, Long An Province)*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 66-72.

Lưu Hồng Sơn. *Contributions of Lê Thọ Xuân to Literary Research and Journalism in the Period before 1954*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 38-50.

Mai Trương Huy. *The Art of Satire in the Novel Mười lẻ một đêm (Ten and One Nights) by Hồ Anh Thái*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 51-60.

Đoàn Thị Huệ. *Contemporary Vietnamese Historical Novels: Historical Reality Approach and the Conception of Artistic Fiction*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 38-48.

Hồ Xuân Mai. *Cultural Expressions Through Language*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 49-54.

Nguyễn Hữu Sơn. *Discussion Amongst "New Poem"'s Contemporaries on Vũ Hoàng Chương's Poetry*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 32-43.

Nguyễn Huy Khuyển. *Minh Mệnh Emperor and Poems on Ocean*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 44-57.

Nguyễn Lai. *Reflections on Vocabulary-Use Indication as a Verbal Strategy in Hồ Chí Minh's Language Perspective*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 21-26.

Thái Văn Chải. *Influences of Indian and Buddhist Extinct Languages through Cham Stele Inscriptions*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 27-32.

Huỳnh Công Tín, Vũ Văn Ngọc. *Content values and arts of language shown in the song Tống Tửu Đơn Hùng Tín composed by Vien Chau*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 33-40.

Hoàng Kim Oanh. *Nguyễn Hiến Lê and "Edgar Poe's Creative Conception of 5% from Inspiration"*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 29-36.

Lê Nhật Kỳ. *Characteristics of Tô Hoài's Children's Tales*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 30-37.

Nguyễn Thanh Huy. *Politeness in Crying One's Wares in Vietnamese Language (Through Evidences Gathered from Hồ Chí Minh City)*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 38-44.

Trần Hữu Chất. *Tradition and Renovation in the Plot Structure Model of the Nôm-Script Autobiographical Poem "Sơ kính tân trang" by Phạm Thái*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 20-27.

Trần Vương Thạch. *Yi Jing and the Sound*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 28-46.

Lê Hoàng Việt Lâm. *The Role of Prestigious People in Preserving and Fostering of Cultural Identities in Ethnic Minority Areas of Việt Nam's Central Highlands*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 26-34.

Nguyễn Thị Thu Hiền. *Expressive Modes in Commentary Discourses on Panama Papers from the Appraisal Theory*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 25-32.

Lê Thị An Hòa. *An Outline of the Đảo vũ (Rain-Invoking) Ritual during Nguyễn Dynasty*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 33-41.

## HISTORY - ANTHROPOLOGY - RELIGIOUS STUDIES

Lê Thị Vĩ Phượng. *Some Policies on the Immigration and Settlement of Chinese and Khmer People in Việt Nam's Southern Region (Nam Bộ) Under the Nguyễn Dynasty*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 69-80.

Nguyễn Thị Thu Thủy. *Education of the Sovereignty over Islands and Sea for Secondary Education Pupils in China and Some Points for Reflexion*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 81-90.

Phạm Thị Phương Thanh. *Changes in Fishery Structure of Bình Thuận Province's Fishermen in the 2000-2010 Period*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 91-100.

Trần Thuận. *The Sovereignty of Vietnam in Southern Region (Nam Bộ) Under the Nguyễn Dynasty – A Basis for the Vietnam- Kampuchea Border Delimitation in French Colonial Period*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 73-86.

Lê Quang Cần. *Village Markets of Biên Hòa-Đồng Nai Region in Old Times*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 87-96.

Nguyễn Thị Hậu. *Archaeology of Sài Gòn-Hồ Chí Minh City*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 97-104.

Trịnh Thị Lệ Hà. *Changes of Land Tenure Situation in a Rural Suburban Commune of Hồ Chí Minh City (1975 - 2010)*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 61-71.

Huỳnh Bá Lộc. *New Generation Intellectuals in Việt Nam's Southern Region Before 1930*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 72-86.

Đỗ Thị Mỹ Hiền. *Credit Activities of the Bank of Indochina's Sài Gòn Subsidiary From 1875 Until 1945*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 55-65.

武勇 (Vũ Dũng), Trương Anh Thuận. *Attitudes of Different Social Strata in Việt Nam and China Towards Christianity From XVIIth Century Until XIX<sup>th</sup> Century*. N<sub>0</sub> 4(212)/

2016: 66-88.

Trần Đức Cường. *Trần Bạch Đằng – A Historian*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 58-63.

Phù Khải Hùng. *Shinto in the Cultural Life of Japanese People*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 64-75.

Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Coastal Area of Vietnam's Southeastern Region: A Gateway to Trade Relations in Prehistoric and Protohistoric Times*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 76-90.

Đỗ Bang. *Vietnamese Families and Lineages Through Historical Streams*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 33-41.

Huỳnh Tâm Sáng. *Australia-Việt Nam Cultural Diplomatic Activities Since the Early 21st Century Until Nowadays*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 42-56.

Ngô Thị Phương Lan. *The Theory of Cultural Ecology and Cultural Studies in Việt Nam*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 57-73.

Nguyễn Văn Hiệu. *Cultural Integration in Southern Vietnam: The Case of Catholic Elements in Caodaism*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 41-50.

Huỳnh Ngọc Thu. *Traditional Dishes of M'ông Community at Đắk Liên Village, Đắk Nhau, Bù Đẳng, Bình Phước Province: Ecological Anthropology Approach to Changes of Culture*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 51-60.

Đặng Ngọc Kính. *Burial Ground in the Archaeological Site of Hòa Diêm (Cam Ranh City, Khánh Hòa Province)*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 61-74.

Trần Đức Cường. *Professor Trần Văn Giàu – A Loyal Revolutionary, an Erudite Scientist, a "Teacher of Teachers"*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 37-43.

Võ Tấn Tú. *Traditional Handicrafts of Chu Ru Ethnic People (Case Study in Đơn Dương District, Lâm Đồng Province)*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 44-59.

Nguyễn Khánh Trung Kiên. *Archaeology in Southeastern Mangrove Swamp Area: Cultural Characteristics and Evolution*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 60-74.

Nguyễn Thị Phương Yến. *Phụ nữ Tân văn Newspaper and the Struggle for Women's Rights in Việt Nam's Southern Region (Nam Bộ) During the Early 20th Century*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 45-55.

Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Trương Quang Đạt. *Livelihood of Ma Ethnic People in Southern Central Highlands and Southeastern Region Today*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 56-69.

Nguyễn Nhật Phương. *Techniques of Making Lead and Tin Personal Ornaments of the Oc Eo Civilization in Việt Nam's Southwestern Region*. N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 70-84.

Lê Thế Tài. *Development Process of Guerrilla Militia Forces in Sài Gòn Suburbs From 1956 Until March 1965*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 47-56.

Nguyễn Hoàng Bách Linh. *Pottery in the Archaeological Site of Óc Eo - Ba Thê: Characteristics and Evolution Process*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 57-74.

Nguyễn Đình Cơ. *Trade Relations of the Western Countries with Đại Việt's Southern Part (Đàng Trong) During XVII-XVIII Centuries: Some Main Features*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 35-44.

Trương Thị Hiền. *The Application of Customary Laws' Regulatory Procedures in Việt Nam's Central Highlands and the Question of Legal Pluralism*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 45-52.

Nguyễn Quốc Mạnh. *Architectural Remains of Óc Eo Culture on Coastal Sand Ridges of Việt Nam's Southwestern Region*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 53-69.

Nguyễn Nghị. *Measures for Agricultural Development of Rice Production in the Mekong Delta during the French Colonial Period*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 42-53.

### **ENVIRONMENT AND CLIMATE CHANGE**

Nguyễn Ngọc Diễm. *Participatory Development Communication and Activities of Adaptation to the Climate Change in the Mekong Delta*. N<sub>0</sub> 2(210)/2016: 105-119.

### **INTERNATIONAL SOCIAL SCIENCES**

Gary Ferraro, Susan Andreatta. *Cultural anthropology: An applied perspective*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 87-95.

Caroline Sy Hau. *Southeast Asian Studies: Towards an Open Regional Networking*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 89-92.

Philippe Peycam. *Southeast Asian Studies from Perspectives of the International Institute for Asian Studies (IIAS), Leiden*. N<sub>0</sub> 4(212)/2016: 93-98

Nguyễn Xuân Nghĩa. *Jürgen Habermas' Theory of Communicative Action*. N<sub>0</sub> 5(213)/2016: 91-103.

Hayami Yoko. *Southeast Asian Studies in Japan*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 74-79.

Park Seung Woo, Lee Sang Kook. *Development of Southeast Asian Studies in the Republic of Korea*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 80-82.

Charnvit Kasetsiri. *Southeast Asian Studies in Thailand*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 75-79.

R. Michael Feener. *Southeast Asian Studies in Southeast Asia: A View from Singapore*. N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 80-83.

Nguyễn Khánh Trung. *An Overview of Family Education Research in the World*. N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 75-86.

Jérémy Jammes. *By following the trail of men: Notes on the Ethnographic Diary of the Missionary Jacques Dournes in Vietnam*. N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 70-76.

### **POLICY BRIEF**

Phạm Nguyễn Ngọc Anh. *Discussing Measures to Overcome Negative Impacts of Industrial Zones on Việt Nam's Socio-Economic Situation*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 101-109.

Phan Tuấn Anh. *Talent Management Strategy of China: From “Brain Drain” to “Brain Circulation”*. N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 54-67.

#### **RESEARCHER'S FORUM**

Phạm Ngọc Hường. *Hermeneutics and Historical Research*. N<sub>0</sub> 1(209)/2016: 110-122.

#### **BOOK REVIEW**

Lê Minh Tiến. *The Social Construction of Reality: A Treatise in the Sociology of Knowledge*. N<sub>0</sub> 3(211)/2016: 96-98.

Phan Kim Thoa. *Trần Trọng Đăng Đàn's General Collection*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 75-76.

Trần Minh Đức. *Trends of Labor and Social Affairs in Viet Nam 2014*. N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 77.

#### **SOCIAL SCIENCE INFORMATION**

Nguyễn Thị Thịnh. *The Scientific Workshop: Studies on the Cham Culture for 40 Years*. N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 83.

#### **ENGLISH SUMMARY**

N<sub>0</sub> 6(214)/2016: 84-86

N<sub>0</sub> 7(215)/2016: 84-86.

N<sub>0</sub> 8(216)/2016: 78-80.

N<sub>0</sub> 9(217)/2016: 85-88.

N<sub>0</sub> 10(218)/2016: 87-90.

N<sub>0</sub> 11(219)/2016: 77-79.

N<sub>0</sub> 12(220)/2016: 82-84.